

TheZhishi

TỦ SÁCH GIÚP HỌC TỐT TIẾNG TRUNG

CHỦ BIÊN : Phương Lan

10 PHÚT

TỰ HỌC TIẾNG TRUNG MỖI NGÀY



我

你

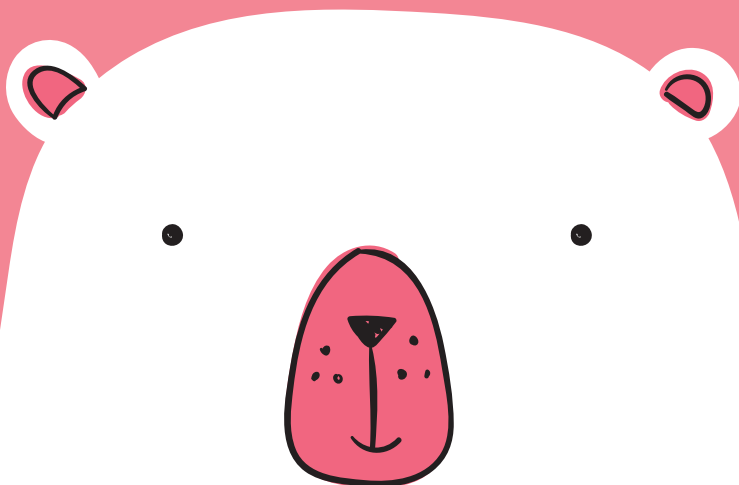
他



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



Trải nghiệm học
cùng MCPlatform



10 PHÚT
TỰ HỌC TIẾNG TRUNG
MỖI NGÀY



10 PHÚT TỰ HỌC TIẾNG TRUNG MỖI NGÀY

Bản quyền © 2017 thuộc Công ty Cổ phần sách MCBooks. Theo hợp đồng chuyển nhượng giữa công ty cổ phần sách MCBooks và tác giả Trang Thơm. Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý của Công ty Cổ phần sách MCBooks đều là bất hợp pháp và vi phạm luật xuất bản Việt Nam, Luật bản quyền quốc tế, và công ước Berne về bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ.

Phát triển cùng phương châm “Knowledge Sharing – Chia sẻ tri thức” MCBooks luôn mong muốn được hợp tác cùng các tác giả trong nước với ước mong được chia sẻ những phương pháp học mới lạ độc đáo, những cuốn sách học ngoại ngữ hay và chất lượng đến với độc giả Việt Nam.

Các tác giả viết sách có nhu cầu xuất bản xin vui lòng liên hệ với chúng tôi qua:

 Email: lienhebanquyen@mcbooks.vn

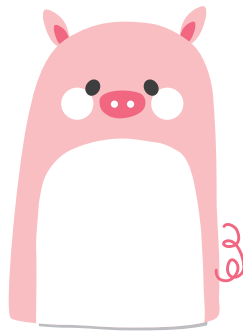
 Điện thoại: (04).3792.1466 (Bấm máy lẻ 103 gặp Phòng Kế Hoạch)

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến góp ý của Quý độc giả để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

- Góp ý về nội dung sách:
thechangmi@mcbooks.vn
- Liên hệ về bản thảo và bản dịch:
contact@mcbooks.vn
- Liên hệ hợp tác truyền thông trên sách: project@mcbooks.vn
- Liên hệ tư vấn, đại diện và giao dịch bản quyền:
copyright@mcbooks.vn

The Zhishi
Phương Lan - Chủ biên

10 PHÚT TỰ HỌC TIẾNG TRUNG MỖI NGÀY



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



LỜI MỞ ĐẦU

Học một ngoại ngữ là mở thêm một chân trời mới, tạo cơ hội cho cuộc sống của bạn. Có thể bạn chưa cảm nhận được những lợi ích của việc học một ngôn ngữ khác nhưng khi bạn càng “già” đi bạn càng cảm nhận tầm quan trọng của nó.

Trung Quốc là một quốc gia đang trỗi dậy mạnh mẽ, cách mà họ khiến cả thế giới kinh ngạc, cách mà họ chiếm lĩnh vị trí quan trọng trên cán cân kinh tế, quân sự trên thế giới hiện nay.

Đừng đặt mình vào một cái lồng kính tối mù mịt mà hãy bước ra ngoài xem cuộc sống đổi thay như thế nào. Hiện “cơn sốt” học tiếng Trung diễn ra mạnh mẽ. Trung Quốc là một đất nước rộng lớn với hơn 1,3 tỉ dân và là một trong những đối tác tiềm năng của Việt Nam và các công ty quốc tế. Bạn sẽ có nhiều cơ hội phát triển sự nghiệp của mình nếu thành thạo tiếng Trung, hơn thế bạn có thể tự tin tự xách ba lô đi du lịch Trung Quốc với chi phí cực thấp...

Cuốn “10 phút tự học tiếng Trung mỗi ngày” được biên soạn nhằm giúp bạn làm quen với ngôn ngữ tượng hình và phục vụ cho nhu cầu của bạn khi đi du lịch hoặc giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

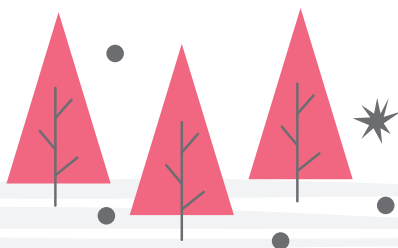
Nội dung sách bao gồm các chủ đề thông dụng, mỗi bài học đều có các mẫu câu thông dụng và từ mới, hỗ trợ người học giải đáp được các vướng mắc trong giao tiếp .

Cuốn sách sử dụng app McBooks đơn giản và hiệu quả, giúp người học có thể nghe audio mọi lúc mọi nơi trên chiếc điện thoại của mình.

Quá trình biên soạn còn nhiều thiếu sót, mong bạn đọc gần xa chỉ bảo và góp ý cho nội dung sách hay hơn.

Ban biên tập sách ngoại văn

The zhishi

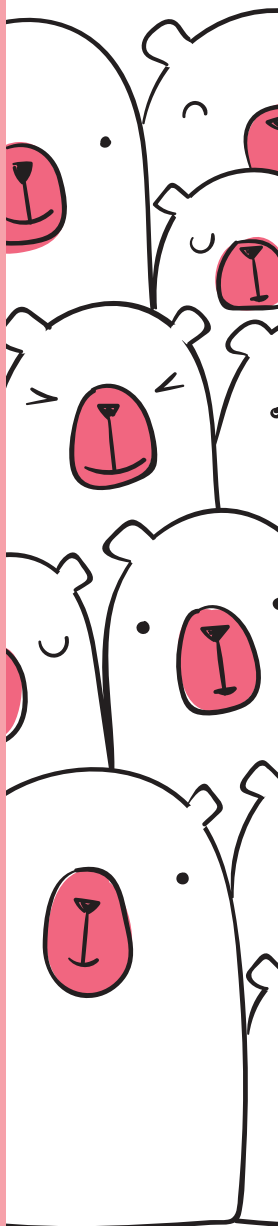


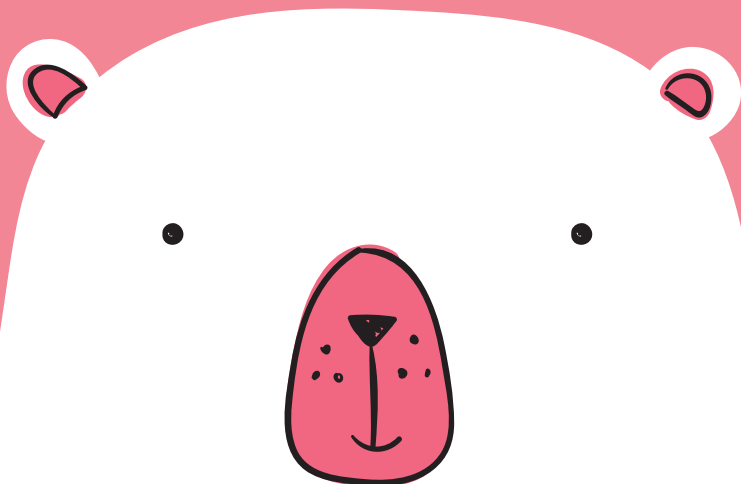


MỤC LỤC

1.	人称代词 Rénchēng dàicí - Đại từ nhân xưng	8
2.	问候 Wènhòu - Chào hỏi	15
3.	感谢、致歉 Gǎnxiè, zhìqiàn - Cảm ơn, xin lỗi	18
4.	介绍 Jièshào - Giới thiệu	22
5.	数字、次序、问岁 Shùzì, cìxù, wèn suì - Số đếm, số thứ tự, hỏi tuổi	28
6.	时间 Shíjiān - Thời gian	37
7.	在银行 Zài yínháng - Ở ngân hàng	44
8.	在餐馆 Zài cānguǎn - Ở nhà hàng	50
9.	在宾馆 Zài bīnguǎn - Ở khách sạn	58
10.	买菜 Mǎi cài - Đi chợ	66
11.	买衣服, 鞋子 Mǎi yīfu, xiézi - Mua quần áo, giày dép	75
12.	去看病 Qù kàn bìng - Đi khám bệnh	82
13.	在理发店 Zài lǐfādìàn - Ở tiệm cắt tóc	93

14.	在洗衣店	
	Zài xǐyīdiàn - <i>Ở tiệm giặt là</i>	100
15.	问路	
	Wèn lù - <i>Hỏi đường</i>	107
16.	在机场	
	Zài jīchǎng - <i>Ở sân bay</i>	117
17.	旅行	
	Lǚxíng - <i>Đi du lịch</i>	124
18.	打电话	
	Dǎ diànhuà - <i>Gọi điện thoại</i>	131
19.	职业	
	Zhíyè - <i>Nghề nghiệp</i>	141
20.	面试	
	Miànshì - <i>Phỏng vấn xin việc</i>	151
21.	唱卡拉OK	
	Chàng kǎlā OK - <i>Đi hát karaoke</i>	160
22.	约会	
	Yuēhuì - <i>Hẹn hò</i>	168
23.	天气	
	Tiānqì - <i>Thời tiết</i>	178
24.	方向, 颜色	
	Fāngxiàng, yánsè - <i>Phương hướng, màu sắc</i>	186
25.	祝愿	
	Zhùyuàn - <i>Lời chúc</i>	190
26.	紧急情况	
	Jǐnjí qíngkuàng - <i>Trường hợp khẩn cấp</i>	196





1

ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG

人称代词



I. Đại từ nhân xưng



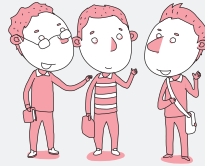
我



你



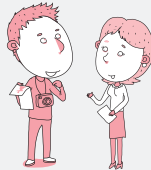
我们



你们



他



她



它

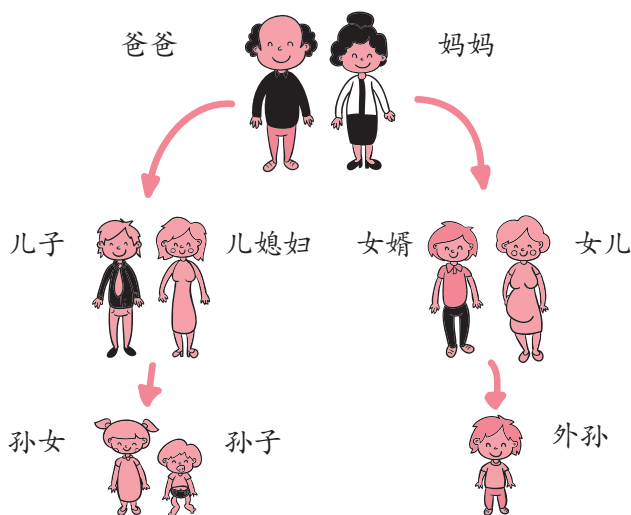


他们



我	Wǒ	Ưa	Tôi
我们	Wǒmen	Ưa mân	Chúng tôi, chúng ta
你	Nǐ	Nĩ	Bạn
你们	Nǐmen	Nĩ mân	Các bạn
他	Tā	Tha	Anh ấy
他们	Tāmen	Tha mân	Bọn họ
她	Tā	Tha	Chị ấy
它	Tā	Tha	Nó (chỉ đồ vật, con vật)

II. Người thân trong gia đình





奶奶	nǎinǎi	<i>nǎi nai</i>	bà nội
爷爷	yéyé	<i>dế dê</i>	ông nội
外婆	wàipó	<i>oai púa</i>	bà ngoại
外公	wàigōng	<i>oai cung</i>	ông ngoại
爸爸/父亲	bàba/ fùqīn	<i>pa pa/ phu chin</i>	bố
妈妈/母亲	m ā m a / mǔqīn	<i>ma ma/ mủ chin</i>	mẹ
继母/后妈	jìmǔ/hòumā	<i>chi mủ/ khâu ma</i>	mẹ kế
继父	jìfù	<i>chi phu</i>	bố dượng
哥哥	gēgē	<i>cua cua</i>	anh trai
嫂嫂	sǎosǎo	<i>sảo sao</i>	chị dâu
姐姐	jiějiě	<i>chia chia</i>	chị gái
姐夫	jiěfu	<i>chia phu</i>	anh rể
弟弟	dìdì	<i>tí tí</i>	em trai
弟媳	dìxí	<i>tí xí</i>	em dâu
妹妹	mèimèi	<i>mây mây</i>	em gái
妹夫	mèifu	<i>mây phu</i>	em rể
老公	lǎogōng	<i>lão cung</i>	chồng



老婆	lǎopó	<i>lão púa</i>	vợ
儿子	érzi	<i>ó chur</i>	con trai
女儿	nǚér	<i>nǚy ó</i>	con gái
儿媳妇	érxífù	<i>ó xí phu</i>	con dâu
女婿	nǚxù	<i>nǚy xuy</i>	con rể
公公	gōnggōng	<i>cung cung</i>	bố chồng
婆婆	pópo	<i>púa pua</i>	mẹ chồng
岳父	yuèfù	<i>duê phu</i>	bố vợ
岳母	yuèmǔ	<i>duê mủ</i>	mẹ vợ
亲家公	qìnjiā gōng	<i>chín cha cung</i>	ông thông gia
亲家母	qìnjiāmǔ	<i>chín cha mủ</i>	bà thông gia
孙子	sūnzi	<i>suân chur</i>	cháu nội (trai)
孙女	sūnnǚ	<i>suân nǚy</i>	cháu nội (gái)
孙女婿	sūnnǚxù	<i>suân nǚy xuy</i>	cháu rể
孙媳妇	sūnxífù	<i>suân xí phu</i>	cháu dâu
外孙	wàisūn	<i>oai suân</i>	cháu ngoại (trai)
外孙女	wàisūnnǚ	<i>oai suân nǚy</i>	cháu ngoại (gái)



伯父/伯伯	bófù/ bóbo	<i>púa phu/ púa pua</i>	bác trai (anh trai của bố)
伯母	bómǔ	<i>púa mǔ</i>	bác gái (vợ bác trai)
叔父/叔叔	shūfù/ shūshu	<i>su phu/ su su</i>	chú (em trai của bố)
叔母/婶母	s h ū m ũ / shěnmǔ	<i>su mǔ/ sǎn mǔ</i>	thím (vợ chú)
姑姑/姑妈	gūgu/ gūmā	<i>cu cu/ cu ma</i>	bác/ cô (chị/em gái của bố)
姑夫/姑父	gūfū/ gūfù	<i>cu phu</i>	bác/chú (chồng bác gái/chồng cô)
舅舅/舅父	jiùjiu/ jiùfù	<i>chiêu chiêu/ chiêu phu</i>	bác/ cậu (anh/em trai của mẹ)
舅妈/舅母	jiùmā/ jiùmǔ	<i>chiêu ma/ chiêu mǔ</i>	bác/ mợ (vợ bác/ vợ cậu)
姨妈	yímā	<i>y ma</i>	bác/ dì (chị/em gái của mẹ)
姨父	yífù	<i>y phu</i>	bác/chú (chồng bác/ chồng dì)
侄子	zhízi	<i>trú chur</i>	cháu trai (gọi bạn bằng bác, chú)
侄女	zhínǚ	<i>trú nǚy</i>	cháu gái (gọi bạn bằng bác, chú)
舅侄	jiùzhí	<i>chiêu trú</i>	cháu trai (gọi bạn bằng cô)



舅侄女	jiùzhínǚ	<i>chiêu trư ỷ</i>	cháu gái (gọi bạn bằng cô)
外甥	wàishēng	<i>oai sâng</i>	cháu trai (gọi bạn là cậu)
外甥女	wàishēngnǚ	<i>oai sâng ỷ</i>	cháu gái (gọi bạn là cậu)
姨侄	yízhí	<i>ý trư</i>	cháu trai (gọi bạn là dì)
姨侄女	yízhínǚ	<i>ý trư ỷ</i>	cháu gái (gọi bạn là dì)
堂哥	tánggē	<i>tháng cưa</i>	anh họ (cùng họ với mình)
堂弟	tángdì	<i>tháng ti</i>	em trai họ (cùng họ với mình)
堂姐	tángjiě	<i>tháng chia</i>	chị họ (cùng họ với mình)
堂妹	tángmèi	<i>tháng mây</i>	em gái họ (cùng họ với mình)
表哥	biǎogē	<i>piểu cưa</i>	anh họ (khác họ với mình)
表弟	biǎodì	<i>piểu ti</i>	em trai họ (khác họ với mình)
表姐	biǎojiě	<i>piểu chia</i>	chị họ (khác họ với mình)
表妹	biǎomèi	<i>piểu mây</i>	em gái họ (khác họ với mình)



2

CHÀO HỎI

问候



I. Cách chào hỏi thông thường

● Khi gặp nhau, có thể chào một cách đơn giản:

你好！	你们好！
Nǐhǎo!	Nǐmen hǎo!
Ní khǎo!	Nǐ mǎn khǎo!
Chào anh/chị/ bạn!	Chào các anh/ các chị/ các bạn!

II. Cách chào hỏi khi mới gặp lần đầu

● Để thể hiện phép lịch sự khi gặp ai đó lần đầu, ta có thể nói:

认识你，我很高兴。

Rènshi nǐ, wǒ hěn gāoxìng.

Rân sự nĩ, ủa khẩn cao xing.

Tôi rất vui khi được làm quen với bạn.

III. Cách chào hỏi theo thời gian trong ngày

先生，早上好！

Xiānshēng, zǎoshàng hǎo!

Xian sâng, chào sang khǎo!

Chào ngài, chúc ngài buổi sáng vui vẻ!

小姐，中午好！

Xiǎojiě, zhōngwǔ hǎo!

Xéo chia, trung ú khǎo!

Chào cô, chúc cô buổi trưa vui vẻ!



老板，晚安！

Lǎobǎn, wǎn' ān!

Láo pǎn, oǎn an!

Chào ông chủ, chúc ông ngủ ngon!



早上好！

晚安！



IV. Cách chào tạm biệt

再见。	明天见。
Zàijiàn.	Míngtiānjiàn.
<i>Chai chien.</i>	<i>Míng thien chien.</i>
Tạm biệt.	Hẹn gặp lại ngày mai.